TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 9 - 2025
V/V tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Hòa

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 –Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Bích C, sinh năm 20xx

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang;

Địa chỉ sau sáp nhập: Tổ H, Khóm H, Phường T, tỉnh An Giang (vắng mặt, nhưng bà C có đơn xin xét xử vắng mặt); căn cước công dân số: xxxx

- *Bị đơn*: Ông Thạch D, sinh năm 199x

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ sau sáp nhập: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt). Căn cước công dân số: xxxxx

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2025 của nguyên đơn là bà Lê

Thị Bích C và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn đều trình bày:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Bích C và bị đơn là ông Thạch D kết hôn với nhau năm 2020, tự nguyện đi đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020, ngày 18/02/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc dẫn đến tình cảm rạn nứt. Dù cả hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đới sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Nguyên đơn Chăm yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C yêu cầu được ly hôn với ông Thạch D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị Bích C đã nộp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020 được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà C và ông Thạch D vào ngày 18 tháng 02 năm 2020; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 03/9/2025.

* Bị đơn ông Thạch D: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Lê Thị Bích C tại Thông báo thụ lý vụ án số: 158/TB-TLVA, ngày 28 tháng 5 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho ông D, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông D đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà C và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông D cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Lê Thị Bích C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là thực hiện

đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn Thạch D không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích C, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Thạch D. Nhận thấy, yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về con chung, tài sản chung và nợ chung bà C tự trình bày không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05 tháng 5 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ) nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bích C lập ngày 05 tháng 5 năm 2025 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Chăm nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 05 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn Chăm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Thạch D, sinh năm 1997 có địa chỉ tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ sau sáp nhập là ấp T, xã P, Thành phố Cần Thơ. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Bà Lê Thị Bích C có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông Thạch D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2020, nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông D là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Như vậy, bà C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà C và ông D cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ tháng 02 năm 2020 đến năm 2023 và từ đó đến nay mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án bà C kiên quyết ly hôn với ông D. Như vậy, bà C và ông D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C ly hôn với ông D.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà C tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 và Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Bích C và ông Thạch D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà C tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001380 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6. Bà C đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THA dân sự Khu vực 6 ;
- UBND xã PT, Tp Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ